TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 15/7/2020.
"*V/v: Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Dương Thị Kim Hồng.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hoàng Văn Vụ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/02/2020 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn A**; sinh năm 1983; địa chỉ: KDC K, phường V, TP. C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị P**; sinh năm 1993; nơi ĐKHKTT: KDC C, phường C, TP. C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang lao động tại Nhật Bản (không rõ địa chỉ). Vắng mặt.

** Người đại diện theo ủy quyền của anh A để giao các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và nhận văn bản tố tụng của Tòa án*: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1963; địa chỉ: KDC K, phường V, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương- Vắng mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông **Nguyễn Đức H**; địa chỉ: KDC C, phường C, TP. C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3.2. Ông **Nguyễn Văn C**; sinh năm 1963; địa chỉ: KDC K, phường V, TP. C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 09/02/2020 và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn A trình bày: Năm 2012, anh đi lao động tại Nhật Bản. Tháng 4/2016 anh và chị Nguyễn Thị P quen biết nhau do khi đó chị P sang Nhật Bản du học. Đến ngày 17/10/2016, anh và chị P kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt

Nam tại Nhật Bản. Anh chị kết hôn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến tháng 6 năm 2019 vợ chồng anh chị liên tục có mâu thuẫn va chạm với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị tìm hiểu nhau không kỹ nên khi về chung sống thấy không hợp nhau dẫn đến hay cãi nhau không dung hòa được. Cuộc sống càng căng thẳng hơn khi chị P có thai và tự ý phá bỏ, không những vậy gia đình hai bên cũng luôn phản đối hôn nhân của anh chị nên không có sự cảm thông, giúp đỡ để khắc phục mâu thuẫn cho anh chị. Do vậy đến ngày 20/6/2019, chị P đã bỏ đi không chung sống với anh nữa. Chị P đi đâu anh không biết. Từ đó anh chị không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ nên anh yêu cầu xin được ly hôn với chị P. Về con chung: Anh và chị P không có con chung. Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng, ông Nguyễn Đức H *(bố đẻ chị P) trình bày*: Anh A và chị P kết hôn với nhau ngày 17/10/2016. Anh chị kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại Nhật Bản. Anh chị có mâu thuẫn với nhau như thế nào ông không nắm được. Ông chỉ nghe anh chị nói là không chung sống được với nhau nữa. Hiện nay chị P đã học xong chương trình du học và đang làm Công ty nhưng ông biết địa chỉ của chị P. Hiện nay chị P vẫn đang lao động tại Nhật Bản. Chị P vẫn thường xuyên liên lạc về cho vợ chồng ông qua điện thoại và Facebook. Sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo qua điện thoại cho chị P biết về việc anh A xin ly hôn. Đồng thời ông cũng đã thông báo nội dung của Tòa án yêu cầu chị P cung cấp địa chỉ, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và yêu cầu chị P trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh A. Nay chị P có ý kiến như sau: Chị không thể cung cấp địa chỉ của cho Tòa án được vì chị có chỗ ở không ổn định. Chị cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Chị xác định: Chị và anh A không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa vì anh A hay rượu chè, đối xử với chị không tốt. Anh chị mâu thuẫn đã trầm trọng, nay đã ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh A xin ly hôn, chị nhất trí. Về con chung: Anh chị không có con chung. Về tài sản chung: Không có.

- Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng, ông Nguyễn Văn C *(bố đẻ anh A) trình bày*: Về việc kết hôn, con chung, tài sản chung, ông C trình bày như nội dung anh A trình nêu trên. Về mâu thuẫn: Khoảng tháng 6/2019, anh A và chị P có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến cãi nhau. Sau đó chị P đã bỏ đi không ở cùng anh A nữa. Trước sự việc đó, vợ chồng ông đã khuyên giải nhưng không được. Nay anh A xin ly hôn chị P, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

UBND phường C, TP.C cung cấp: Chị Nguyễn Thị P có đăng ký hộ khẩu tại KDC C, phường C, TP. C. Anh A và chị P chung sống và có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được, đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh A và chị P không có con chung.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp: Chị Nguyễn Thị P đã

được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số B7019768 ngày 13/8/2012 (đã hủy); có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 01/02/2020 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số N1718485, do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán đã cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên về việc thu thập chứng cứ và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chưa có địa chỉ của bị đơn; thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiếp tục xác minh thu thập địa chỉ của bị đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị P là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên chị P vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã hai lần yêu cầu ông Nguyễn Đức H (là bố đẻ) cung cấp địa chỉ của chị P nhưng không có kết quả, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị P vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

[2] Nguyên đơn anh Nguyễn Văn A vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

[3] Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản ngày 17/10/2016. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, anh A và chị P có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng hơn 02 năm. Đến tháng 6 năm 2019 vợ chồng anh chị có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm, không hòa hợp dẫn đến hay cãi nhau. Mâu thuẫn của anh chị ngày càng trầm trọng, không khắc phục được. Do vậy đến ngày 20/6/2019, chị P đã bỏ đi không chung sống với anh A nữa. Từ đó đến nay anh A và chị P không quan tâm, liên lạc với nhau. Việc anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên đều biết nhưng cũng không có biện pháp gì để khắc phục cho anh chị. Nay cả hai anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, xử cho anh Nguyễn Văn A được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

không đặt ra việc xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn A là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn A được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh A đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002058 ngày 18/02/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh A đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Báo anh A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Quyết